

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 458/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án cập nhật triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập
quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Tuyên bố chính trị về thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng với Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 253/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2026 của Quốc hội Khóa XV về các cơ chế, chính sách phát triển năng lượng quốc gia giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 328/NQ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 01 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành điện lực Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 165/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển năng lượng hydrogen của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 768/QĐ-TT ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh Quy hoạch điện VIII);

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương tại Tờ trình số 1242/TTr-BCT ngày 02 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án cập nhật triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (Tuyên bố JETP) với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Tuyên bố JETP phải được thực hiện phù hợp với yêu cầu bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, góp phần thực hiện nhiệm vụ bảo đảm đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đời sống nhân dân; thực hiện đồng bộ, linh hoạt các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính trong ngành điện phù hợp với tình hình phát triển đất nước và sự hỗ trợ quốc tế; phù hợp với từng giai đoạn phát triển, bảo đảm hài hòa giữa mục tiêu giảm phát thải, nhu cầu tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường.

2. Chuyển đổi năng lượng trong khuôn khổ JETP phải gắn với phát triển kinh tế độc lập, tự chủ, nâng cao sức cạnh tranh; kết hợp phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới, năng lượng sạch với sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và sử dụng năng lượng truyền thống một cách hợp lý; bảo đảm công bằng xã hội, tạo việc làm, sinh kế mới, an sinh cho người dân, nhất là nhóm dễ bị tổn thương, không để ai bị bỏ lại phía sau. Việc đạt được các mục tiêu về chuyển đổi năng lượng và giảm phát thải đòi hỏi sự hợp tác chặt chẽ và hỗ trợ thực chất, hiệu quả của các đối tác quốc tế về tài chính, công nghệ và nâng cao năng lực.

3. Ưu tiên sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài thực hiện các dự án có tiềm năng tác động lớn trong bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, giảm phát thải khí nhà kính, đóng góp cho quá trình chuyển đổi năng lượng công bằng của Việt Nam; các dự án mang tính chất mở đường cho các dự án có khả năng huy động vốn từ khu vực tư nhân trong tương lai; kiên định quyền tự chủ trong lựa chọn công nghệ, lộ trình và tiến độ phù hợp với yêu cầu tăng trưởng bền vững và giảm phát thải; huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực trong nước; khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi và bình đẳng để các thành phần kinh tế, nhất là khu vực tư nhân tham gia chuyển đổi năng lượng công bằng.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Triển khai Tuyên bố JETP gắn với thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW và Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia, cung cấp đủ điện cho phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đời sống nhân dân. Chủ động thực hiện lộ trình chuyển đổi năng lượng công bằng, thúc đẩy phát triển năng lượng tái tạo,

năng lượng mới, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả, góp phần thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng “0” của Việt Nam, trên cơ sở phù hợp với điều kiện thực tế và lợi ích quốc gia, dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Giai đoạn từ nay đến năm 2030

- Hoàn thiện thể chế, chính sách, khung pháp lý đồng bộ, tạo môi trường thuận lợi thu hút đầu tư, khuyến khích phát triển điện gió ngoài khơi, điện mặt trời, hệ thống lưu trữ năng lượng; nghiên cứu, đề xuất các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường, phát thải khí nhà kính cho các công nghệ năng lượng mới (như CCUS, hydrogen xanh, amoniac xanh) để đảm bảo tính khả thi và phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.

- Cập nhật và tổ chức thực hiện Kế hoạch huy động nguồn lực triển khai Tuyên bố JETP (Kế hoạch huy động nguồn lực) và một số dự án JETP với sự hỗ trợ tài chính và chuyển giao công nghệ của quốc tế.

- Phối hợp và huy động nguồn lực từ các đối tác quốc tế hỗ trợ triển khai các dự án JETP liên quan đến nâng cấp, xây dựng hạ tầng sản xuất, truyền tải, tích trữ, phân phối, điều hành điện thông minh, tiên tiến, hiện đại, có khả năng tích hợp quy mô lớn các nguồn năng lượng tái tạo; tăng cường điện khí hóa, phát triển nguồn nhân lực; từng bước làm chủ công nghệ hiện đại, tiến tới sản xuất được các thiết bị phục vụ phát triển lĩnh vực năng lượng tái tạo; nâng cao năng lực quản trị ngành năng lượng đạt trình độ tiên tiến.

- Phối hợp và huy động nguồn lực từ các đối tác quốc tế hỗ trợ triển khai các dự án JETP về phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, thúc đẩy công nghiệp chế tạo thiết bị năng lượng tái tạo, thiết bị lưu trữ điện năng, thu hồi, hấp thụ, lưu trữ và sử dụng CO₂; thúc đẩy sản xuất, sử dụng, tồn trữ, vận chuyển và phân phối hydrogen xanh, amoniac xanh... Phấn đấu đến 2030 hình thành 02 trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo tại các khu vực có nhiều tiềm năng.

- Thực hiện chuyển đổi năng lượng công bằng gắn với tạo việc làm mới, đào tạo và đào tạo lại lao động, bảo đảm an sinh xã hội cho các nhóm dễ bị tổn thương; khuyến khích người dân, doanh nghiệp tham gia vào các chương trình sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm và hiệu quả.

- Chủ động phát triển mạnh mẽ năng lượng tái tạo, phấn đấu nâng tỷ lệ nguồn năng lượng tái tạo đạt khoảng 47% tổng công suất điện, tổng công suất nhiệt điện than phấn đấu không vượt quá từ 30,2 GW đến 31,055 GW; kiểm soát phát thải khí nhà kính từ ngành điện ở mức đỉnh không quá 170 triệu tấn CO₂ tương đương, phù hợp với mục tiêu bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia và được thực hiện linh hoạt trên cơ sở có sự hỗ trợ thực chất, hiệu quả của các đối tác quốc tế trong khuôn khổ JETP.

b) Giai đoạn sau năm 2030

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống chính sách để hỗ trợ chuyển đổi năng lượng, các hoạt động sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, năng lượng sạch trở thành thường xuyên, liên tục của các tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng và toàn dân với sự dẫn dắt của Nhà nước và hỗ trợ của quốc tế.

- Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp năng lượng tái tạo, năng lượng mới, công nghiệp chế tạo thiết bị, lưu trữ điện, hydrogen xanh, amoniac xanh; nghiên cứu áp dụng công nghệ thu hồi, hấp thụ, lưu trữ và sử dụng CO₂, nâng cao năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, chủ động tiếp nhận, làm chủ công nghệ tiên tiến phục vụ quá trình chuyển đổi năng lượng.

- Không xây mới và dừng hoạt động các nhà máy nhiệt điện than có tuổi thọ trên 40 năm nếu không thể chuyển đổi nhiên liệu, thực hiện mạnh mẽ các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính hướng tới năm 2050 đạt mức phát thải từ năng lượng không vượt quá 101 triệu tấn CO₂ tương đương, tỷ lệ năng lượng tái tạo đạt khoảng 80 - 85% tổng năng lượng sơ cấp.

- Với sự hỗ trợ của các đối tác quốc tế, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, hình thành đội ngũ chuyên gia, kỹ sư giỏi trong lĩnh vực năng lượng tái tạo và năng lượng mới, góp phần đưa Việt Nam trở thành trung tâm năng lượng tái tạo của khu vực, đồng thời bảo đảm công bằng xã hội, hài hòa mục tiêu giảm phát thải, tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường.

III. CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM**1. Hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi năng lượng**

- Rà soát, tháo gỡ các điểm nghẽn về thể chế trong quy hoạch, cấp phép, huy động vốn cho các dự án về năng lượng; có cơ chế, chính sách đặc thù vượt trội để thu hút và triển khai các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành năng lượng, góp phần giảm phát thải khí nhà kính và đóng góp cho quá trình chuyển đổi năng lượng công bằng của Việt Nam.

- Hoàn thiện chính sách tài chính theo hướng huy động tối đa các nguồn vốn đầu tư tư nhân, đầu tư nước ngoài vào các dự án trong lĩnh vực năng lượng theo hình thức nhà đầu tư độc lập hoặc đối tác công tư (PPP). Đổi mới chính sách tín dụng theo hướng linh hoạt, hiệu quả, ưu tiên bố trí vốn tín dụng cho lĩnh vực năng lượng, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp năng lượng tiếp cận các nguồn vốn; có nguồn vốn, gói tín dụng ưu đãi cho các doanh nghiệp có dự án năng lượng xanh, sạch, công nghệ mới, doanh nghiệp đầu tư vào hệ thống dự trữ năng lượng, nghiên cứu, phát triển và sản xuất thiết bị năng lượng trong nước. Hoàn thiện chính sách thuế để khuyến khích sản xuất, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, các trang thiết bị sản xuất trong nước.

- Cải thiện khung pháp lý tạo thuận lợi cho đầu tư vào năng lượng mới, năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và tăng cường lưới điện ở Việt Nam; xây dựng lộ trình giảm dần sử dụng nhiên liệu hóa thạch, giảm phát thải khí nhà kính trong ngành năng lượng phù hợp với tình hình phát triển đất nước và với sự hỗ trợ quốc tế. Xây dựng khung chính sách đủ mạnh để khuyến khích các hộ sử dụng điện lớn xây dựng hệ thống thu hồi năng lượng để sản xuất điện; xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi hợp lý để phát triển điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ và hệ thống lưu trữ năng lượng.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phát triển mạnh các hệ thống xử lý rác có thu hồi năng lượng; thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ carbon thấp, trung hoà carbon.

- Xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy yếu tố công bằng, đặc biệt đối với các cộng đồng dân cư, người lao động chịu ảnh hưởng bởi tác động tiêu cực tiềm ẩn trong quá trình chuyển đổi năng lượng; lồng ghép các vấn đề về chuyển đổi năng lượng công bằng trong chiến lược, quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia; quy hoạch phát triển năng lượng quốc gia và kế hoạch thực hiện quy hoạch này.

2. Thúc đẩy chuyển đổi điện than sang năng lượng sạch

- Đàm phán với các nhà đầu tư các dự án nhiệt điện than chậm tiến độ, gặp khó khăn trong thu xếp vốn, thay đổi cơ cấu chủ đầu tư và đề xuất phương án xử lý phù hợp theo quy định của pháp luật; đàm phán về đóng cửa các nhà máy nhiệt điện than cũ, kém hiệu quả có tuổi thọ trên 40 năm nếu không thể chuyển đổi nhiên liệu và không đáp ứng theo lộ trình giảm phát thải khí nhà kính của quốc gia.

- Triển khai lộ trình thực hiện các giải pháp giảm phát thải khí nhà kính các nhà máy nhiệt điện than, bao gồm lộ trình chuyển đổi các nhà máy nhiệt điện than sang sử dụng các nguồn nhiên liệu xanh, sạch như hydrogen xanh, amoniac xanh... phù hợp với Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Triển khai các biện pháp quản lý, kỹ thuật nâng cao hiệu suất các nhà máy điện truyền thống, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong quá trình sản xuất, truyền tải, phân phối và tiêu thụ điện; thúc đẩy chuyển đổi sử dụng năng lượng hóa thạch sang năng lượng sạch.

3. Phát triển hệ sinh thái công nghiệp và dịch vụ về năng lượng tái tạo

- Triển khai thực hiện nội dung phát triển hệ sinh thái công nghiệp và dịch vụ năng lượng tái tạo và năng lượng mới theo các Chiến lược, Quy hoạch liên quan đến phát triển năng lượng quốc gia như Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Quy hoạch

phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Chiến lược phát triển năng lượng hydrogen đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại các khu vực có nhiều tiềm năng khi có các điều kiện thuận lợi.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển các nguồn năng lượng tái tạo (thủy điện, điện mặt trời, điện gió trên bờ, ngoài khơi, sóng biển, địa nhiệt...), năng lượng mới (hydrogen xanh, amoniac xanh,...) theo quy hoạch phát triển điện lực, phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh, phù hợp với khả năng bảo đảm vận hành an toàn hệ thống điện với giá thành hợp lý.

- Nghiên cứu xây dựng 02 trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng bao gồm sản xuất, truyền tải và tiêu thụ điện; công nghiệp chế tạo thiết bị năng lượng tái tạo, xây dựng, lắp đặt, dịch vụ liên quan, xây dựng hệ sinh thái công nghiệp năng lượng tái tạo tại các khu vực có nhiều tiềm năng.

- Phát triển các loại hình điện sinh khối, điện sản xuất từ rác, chất thải rắn phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực và phương án phát triển mạng lưới cấp điện trong quy hoạch tỉnh nhằm tận dụng phụ phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, chế biến gỗ, thúc đẩy trồng rừng và xử lý môi trường.

- Nghiên cứu xây dựng quy định tỷ lệ năng lượng tái tạo cho các tổ chức phân phối điện; khuyến khích phát triển các loại hình công nghiệp sử dụng hydrogen xanh, amoniac xanh trong một số lĩnh vực công nghiệp khó giảm phát thải như thép, hóa chất,...

- Khuyến khích sử dụng điện được sản xuất từ nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; thúc đẩy phát triển điện mặt trời mái nhà, điện mặt trời độc lập tại các công sở, khu dân cư và hộ gia đình.

4. Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả

- Tăng cường thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, xây dựng, giao thông vận tải, dịch vụ, thương mại và dân dụng.

- Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định bắt buộc kèm theo chế tài đối với việc tuân thủ quy định về định mức sử dụng năng lượng cho các ngành công nghiệp, giao thông.

- Thúc đẩy phát triển và áp dụng mô hình kinh doanh và công ty dịch vụ tiết kiệm năng lượng (ESCO).

5. Nâng cấp hệ thống truyền tải và phân phối điện, đẩy nhanh lộ trình xây dựng hệ thống điện thông minh và phát triển hệ thống lưu trữ năng lượng

- Nghiên cứu áp dụng công nghệ mới trong hệ thống truyền tải và phân phối điện; tiếp tục đẩy mạnh triển khai lộ trình phát triển hệ thống điện thông minh để tăng cường khả năng tích hợp năng lượng tái tạo vào hệ thống điện, giảm tổn thất điện năng trên lưới điện.

- Thúc đẩy hợp tác liên kết lưới điện với các nước trong khu vực để tăng cường khả năng liên kết hệ thống, trao đổi điện năng, tận dụng thế mạnh tài nguyên của các quốc gia.

- Phát triển các nhà máy thủy điện tích năng để điều hòa phụ tải, dự phòng công suất và tích hợp các nguồn năng lượng tái tạo với quy mô lớn.

- Hỗ trợ triển khai công nghệ pin lưu trữ kết hợp điện mặt trời quy mô lớn và các loại hình lưu trữ năng lượng tiên tiến khác.

- Xây dựng cơ chế khuyến khích phụ tải tham gia giảm tải trong các giờ cao điểm của hệ thống điện hoặc thay đổi phương thức quản lý để hoạt động vào các giờ giá điện thấp.

6. Chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí nhà kính trong lĩnh vực giao thông vận tải và xây dựng

Thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan lĩnh vực giao thông vận tải.

7. Đổi mới sáng tạo, phát triển và chuyển giao công nghệ

- Hỗ trợ Việt Nam trở thành trung tâm quốc tế về năng lượng tái tạo để chia sẻ kiến thức chuyên môn, hỗ trợ phát triển kỹ năng, hiểu biết về công nghệ đồng thời tạo điều kiện hợp tác với khu vực tư nhân về chuyển giao công nghệ, nhằm đẩy nhanh sự phát triển của các nguồn năng lượng tái tạo và quản lý hệ thống điện sạch.

- Áp dụng công nghệ mới, hiện đại theo hướng chuyển dịch sang nền kinh tế các-bon thấp, giảm tiêu thụ năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính, hỗ trợ giảm phát thải các-bon trên đơn vị sản phẩm hàng hóa xuất khẩu và tham gia thị trường các-bon trong nước.

- Xây dựng, ban hành các tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia trong xác định công nghệ sạch, xác định các dự án chuyển đổi xanh; rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường, phát thải khí nhà kính thuộc lĩnh vực tái chế, xử lý chất thải phục vụ mục đích sản xuất năng lượng.

- Nghiên cứu phát triển và ứng dụng các nguồn năng lượng mới (hydrogen xanh, amoniac xanh); nghiên cứu thí điểm triển khai các công nghệ thu hồi, lưu trữ và sử dụng các-bon (CCUS), đồng đốt ammonia đối với lò hơi (nhiệt điện than), nghiên cứu thu hồi khí mê-tan trong các hoạt động khai thác than và dầu khí, lưu trữ, chế biến, vận chuyển các sản phẩm than, dầu khí và nhiên liệu.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ tiên tiến và chuyển đổi số trong quản lý, khai thác, sản xuất, phân phối, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; làm chủ công nghệ chế tạo các thiết bị lĩnh vực năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, thiết bị lưu trữ năng lượng hiện đại, thân thiện với môi trường phù hợp với điều kiện Việt Nam.

- Nghiên cứu, thử nghiệm, cải tiến, đổi mới, áp dụng công nghệ sạch trong quá trình chuyển dịch năng lượng, từng bước nắm giữ, làm chủ công nghệ.

8. Bảo đảm công bằng trong chuyển đổi năng lượng

a) Đảm bảo bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực và thực hiện trách nhiệm trong chuyển đổi năng lượng

- Thực hiện đánh giá tác động kinh tế, xã hội, môi trường trong quá trình chuyển đổi năng lượng công bằng đối với các đối tượng có liên quan.

- Các doanh nghiệp triển khai các dự án chuyển đổi năng lượng tiếp cận trực tiếp nguồn lực tài chính từ Nhóm các đối tác quốc tế, Liên minh tài chính Glasgow vì mục tiêu phát thải ròng bằng “0” và các định chế tài chính không thông qua bảo lãnh Chính phủ.

- Các doanh nghiệp thực hiện giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với lộ trình đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 và thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC).

- Sử dụng đất đa mục tiêu cho sản xuất năng lượng tái tạo kết hợp với phát triển nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, nhằm tăng cường tiếp cận năng lượng, tạo cơ hội đầu tư, tạo việc làm và tăng tính chủ động của các doanh nghiệp trong quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp cho phát triển năng lượng tái tạo theo quy định của pháp luật về đất đai.

b) Hỗ trợ các nhóm lao động và hộ gia đình dễ bị tổn thương chịu ảnh hưởng của quá trình chuyển đổi năng lượng.

- Mở rộng hạ tầng truyền tải và phân phối điện, bảo đảm cơ hội tiếp cận điện năng với giá thành hợp lý đối với mục đích sử dụng điện dân dụng và đặc thù; phấn đấu 100% số hộ dân nông thôn có điện sử dụng thông qua xây dựng cơ chế hỗ trợ tiếp cận năng lượng sạch đối với những nơi không thể tiếp cận hệ thống điện lưới.

- Thực hiện các cơ chế hỗ trợ tiền điện cho các nhóm bị ảnh hưởng, dễ bị tổn thương và có thu nhập thấp.

- Thúc đẩy tạo việc làm xanh và bền vững trong nền kinh tế phát thải các-bon thấp; thiết lập và triển khai các chương trình hỗ trợ tạo việc làm, đào tạo nghề, đào tạo lại nhân sự cho lao động chịu ảnh hưởng bởi quá trình chuyển đổi năng lượng, đặc biệt các nhóm lao động dễ bị tổn thương như nữ giới, lao động phi chính thức, được kết nối thông tin việc làm xanh, được tiếp cận cơ hội đào tạo nghề, được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, duy trì và tạo sinh kế mới phù hợp với điều kiện thực tế.

- Thực hiện các cơ chế hỗ trợ an sinh xã hội, bao gồm hỗ trợ trợ cấp thôi việc, nghỉ hưu sớm, trợ cấp thất nghiệp, trợ cấp xã hội cho lao động phi chính thức, các hình thức bảo trợ xã hội khác phù hợp với từng nhóm lao động, hộ gia đình bị ảnh hưởng việc làm và thu nhập với mục tiêu đảm bảo mức sống hộ gia đình sau quá trình chuyển đổi năng lượng.

c) Thực hiện đào tạo, đào tạo lại các lao động bị ảnh hưởng

- Tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong các cơ quan quản lý chuyên ngành năng lượng tái tạo, năng lượng mới và các chủ đề liên quan đối với các cấp quản lý từ trung ương đến địa phương.

- Nâng cao năng lực, chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi năng lượng; đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.

- Rà soát, thống kê các lao động bị mất việc làm do chuyển đổi năng lượng và xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, đào tạo lại để hỗ trợ quá trình chuyển đổi nghề nghiệp của người lao động bị ảnh hưởng từ quá trình chuyển đổi năng lượng.

- Thúc đẩy xây dựng khung kỹ năng, các tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, tạo cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng kế hoạch, chiến lược về đào tạo nghề liên quan năng lượng tái tạo, năng lượng mới và quá trình chuyển đổi năng lượng.

- Cập nhật chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực và kỹ năng phù hợp với yêu cầu việc làm xanh, ngành nghề mới trong quá trình chuyển đổi năng lượng; đa dạng hóa các loại hình hợp tác đào tạo nghề với sự chủ động tham gia của doanh nghiệp và các thành phần kinh tế - xã hội khác.

- Điều chỉnh cơ cấu và nâng cao chất lượng, hiệu quả thị trường lao động; lồng ghép nội dung chuyển đổi năng lượng công bằng trong triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ phát triển thị trường lao động đến năm 2030 và triển khai Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030.

- Lồng ghép nội dung về chuyển đổi năng lượng công bằng, phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong nội dung giảng dạy của hệ thống giáo dục phổ thông.

9. Truyền thông, nâng cao nhận thức

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về các cơ hội, thách thức và tầm quan trọng của việc thực hiện chuyển đổi năng lượng công bằng.

- Lồng ghép các hoạt động truyền thông trong quá trình xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án chuyển đổi năng lượng công bằng.

10. Thúc đẩy hợp tác, huy động nguồn lực cho chuyển đổi năng lượng công bằng

- Tích cực vận động thu hút nguồn lực quốc tế thông qua hoạt động đối ngoại cấp cao, chương trình làm việc của các bộ, ngành, địa phương với đối tác nước ngoài, các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài.

- Tìm hiểu, tiếp thu, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình thực hiện chuyển đổi công bằng ở các nước, các sáng kiến sử dụng nguồn năng lượng xanh, chuyển đổi năng lượng từ than sang các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, phi các-bon hóa lưới điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

- Chủ động tham gia và đóng góp tích cực tại các khuôn khổ hợp tác song phương, đa phương nhằm tích hợp nội dung về chuyển đổi công bằng trong quá trình đàm phán, hợp tác quốc tế; tích cực vận động Nhóm các đối tác quốc tế hỗ trợ Việt Nam về tài chính và công nghệ theo cam kết và hỗ trợ bổ sung cho chuyển đổi năng lượng công bằng giai đoạn sau năm 2027.

IV. NGUỒN LỰC THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Đề án triển khai Tuyên bố JETP từ nguồn ngân sách nhà nước và huy động tối đa từ các nguồn tài trợ, viện trợ, các nguồn tài chính hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, bao gồm từ Nhóm các đối tác quốc tế (IPG), Liên minh tài chính Glasgow vì mục tiêu phát thải ròng bằng “0” (GFANZ) và các tổ chức, định chế tài chính được IPG ủy quyền.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Thư ký là tổ công tác giúp việc Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo COP26 trong điều phối giải quyết những công việc liên quan đến Tuyên bố JETP, đồng thời phối hợp với Nhóm các đối tác quốc tế trong triển khai thực hiện Tuyên bố JETP.

2. Phân công trách nhiệm đối với các bộ, cơ quan liên quan

a) Bộ Công Thương

- Thực hiện trách nhiệm là cơ quan thường trực Ban Thư ký thực hiện Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng (Tuyên bố JETP) giữa Việt Nam với Nhóm các đối tác quốc tế (IPG).

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật về chuyển đổi điện than, phát triển hệ sinh thái công nghiệp - năng lượng, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả và các văn bản liên quan thuộc chức năng nhiệm vụ để kiến nghị các cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới các văn bản pháp luật trong lĩnh vực năng lượng để hỗ trợ thúc đẩy các dự án triển khai Tuyên bố JETP.

- Chủ trì tổ chức triển khai thực hiện, theo dõi, rà soát và tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Đề án; chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, Nhóm các đối tác quốc tế cập nhật, triển khai thực hiện Kế hoạch huy động nguồn lực và việc thực hiện các mục tiêu nêu trong Tuyên bố JETP; báo cáo định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện Tuyên bố JETP gửi Thủ tướng Chính phủ - Trưởng Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26.

- Chủ trì đề xuất các cơ chế, chính sách, quy định thực hiện chuyển đổi năng lượng trong các quy định của pháp luật về phát triển điện lực và năng lượng tái tạo và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; tổ chức thực hiện các chính sách về mua bán điện trực tiếp; đề xuất cơ chế, chính sách phát triển các dự án điện gió ngoài khơi.

- Chủ trì phối hợp với Nhóm các đối tác quốc tế, Liên minh tài chính Glasgow vì mục tiêu phát thải ròng bằng “0” rà soát, tổng hợp, đề xuất danh mục dự án phù hợp và xác định các dự án ưu tiên để cung cấp thông tin cho các nhà tài trợ, các tổ chức tài chính và các bên liên quan cùng nhau tìm kiếm cơ hội hợp tác, đầu tư và triển khai các dự án thực hiện Tuyên bố JETP và lộ trình phát triển năng lượng quốc gia.

- Chủ trì điều phối các hoạt động, sáng kiến về chuyển đổi năng lượng, bảo đảm sự thống nhất và huy động được hỗ trợ tổng hợp thực hiện chuyển đổi năng lượng công bằng ở Việt Nam.

- Phối hợp với Nhóm các đối tác quốc tế và các bộ, ngành liên quan hỗ trợ thành lập Trung tâm quốc tế về năng lượng tái tạo tại Việt Nam.

b) Bộ Nông nghiệp và Môi trường

- Chủ trì giúp Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26 gắn kết, phối hợp thực hiện chuyển đổi năng lượng công bằng với thực hiện giảm phát thải khí nhà kính hướng tới đạt mức phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050 và thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC).

- Chủ trì xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, nhiệm vụ, giải pháp thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ, thúc đẩy các dự án triển khai thực hiện Tuyên bố JETP.

- Chủ trì, phối hợp với bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng cơ chế, chính sách về trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon, kết quả giảm phát thải/hấp thụ khí nhà kính nhằm thu hút đầu tư nước ngoài phù hợp với mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính theo Đóng góp do quốc gia tự quyết định.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu và tăng cường năng lực dịch vụ khí hậu phục vụ cho phát triển và vận hành tối ưu các hệ thống và trang trại năng lượng tái tạo.

- Chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về môi trường, phát thải khí nhà kính thuộc lĩnh vực tái chế, xử lý chất thải phục vụ mục đích sản xuất năng lượng.

- Tổ chức, triển khai Quy hoạch tài nguyên nước để phát triển thủy điện và sử dụng mặt nước phát triển năng lượng mặt trời; Quy hoạch sử dụng đất và các khu vực biển đáp ứng yêu cầu đa mục tiêu cho sản xuất năng lượng tái tạo, nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, phát triển các dự án điện gió ngoài khơi kết hợp bảo vệ nguồn lợi hải sản góp phần thúc đẩy các dự án JETP.

- Phối hợp với Bộ Công Thương và các cơ quan có liên quan khác cập nhật và triển khai thực hiện Kế hoạch huy động nguồn lực.

c) Bộ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan tổng hợp nhu cầu đầu tư cho chuyển đổi năng lượng công bằng; huy động nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi và ODA không hoàn lại cho việc triển khai thực hiện Đề án theo đúng chức năng, nhiệm vụ, đảm bảo an toàn nợ công, nợ nước ngoài quốc gia.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện đàm phán, tiếp nhận nguồn vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi, vốn ODA không hoàn lại bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Điều ước quốc tế năm 2016 và quy định hiện hành của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài, để hỗ trợ nhu cầu chuyển đổi năng lượng theo quy định; phối hợp với Bộ Công Thương và các cơ quan có liên quan cập nhật và triển khai thực hiện Kế hoạch huy động nguồn lực.

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan rà soát các khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy định của pháp luật về tài chính và đầu tư trong quá trình triển khai các dự án thực hiện Tuyên bố JETP, đề xuất giải pháp, cơ chế chính sách tháo gỡ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chỉ đạo người đại diện chủ sở hữu trực tiếp hoặc người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Bộ Tài chính là cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước phối hợp chặt chẽ với các cơ quan có liên quan, Nhóm các đối tác quốc tế cung cấp thông tin, xây dựng kế hoạch, lộ trình chuyển đổi năng lượng, bao gồm xây dựng kế hoạch ngừng hoạt động, chuyển đổi các nhà máy điện than cũ, kém hiệu quả không áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

d) Bộ Nội vụ

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng các cơ chế, chính sách, giải pháp thúc đẩy chuyển dịch công bằng đối với các nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương; hỗ trợ lao động di cư, tạo việc làm và các hình thức khác cho lao động bị ảnh hưởng trong quá trình chuyển đổi năng lượng; phối hợp với Bộ Công Thương và các cơ quan có liên quan cập nhật và triển khai thực hiện Kế hoạch huy động nguồn lực.

- Tham gia các Nhóm công tác, bảo đảm quá trình chuyển đổi công bằng, phù hợp với Tuyên bố của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc để đảm bảo toàn xã hội, có thể hưởng lợi từ quá trình chuyển đổi xanh nhằm tăng khả năng tiếp cận năng lượng hợp lý và thu hút sự tham gia của các tổ chức và các bên liên quan để giúp đáp ứng nhu cầu của những người bị ảnh hưởng nhiều nhất bởi quá trình chuyển đổi.

đ) Bộ Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan có liên quan, doanh nghiệp trong việc nghiên cứu phát triển và ứng dụng các nguồn năng lượng mới (hydrogen xanh, amoniac xanh), thí điểm triển khai thu hồi, lưu trữ và sử dụng các-bon (CCUS).

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm, cải tiến, phát triển công nghệ sạch, công nghiệp công nghệ số, đổi mới sáng tạo phục vụ quá trình chuyển dịch năng lượng và giảm phát thải khí nhà kính cho các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế phát triển theo hướng phát thải các-bon thấp.

e) Bộ Xây dựng

- Chủ trì thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan lĩnh vực giao thông vận tải.

- Phối hợp với Bộ Công Thương và các cơ quan có liên quan cập nhật và triển khai thực hiện Kế hoạch huy động nguồn lực.

g) Bộ Giáo dục và Đào tạo

- Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, cơ quan liên quan xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách nhằm đảm bảo chất lượng nguồn nhân lực thực hiện chuyển đổi năng lượng công bằng; hỗ trợ đào tạo nghề, đào tạo lại cho lao động bị ảnh hưởng trong quá trình chuyển đổi năng lượng.

- Lòng ghép nội dung về chuyển đổi năng lượng công bằng trong nội dung giảng dạy của hệ thống giáo dục.

h) Bộ Ngoại giao

- Vận động thu hút nguồn lực quốc tế hỗ trợ thực hiện Tuyên bố JETP thông qua hoạt động đối ngoại cấp cao, chương trình làm việc của các bộ, ngành, địa phương với đối tác nước ngoài, các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài.

- Chủ động tìm hiểu, tiếp thu, chia sẻ kinh nghiệm, mô hình thực hiện chuyển đổi công bằng ở các nước, các sáng kiến sử dụng nguồn năng lượng xanh, chuyển đổi năng lượng từ than sang các nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, phi

các-bon hóa lưới điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội bền vững; tìm hiểu tình hình thực hiện tại các nước tham gia sáng kiến JETP, kịp thời thông tin, kiến nghị Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26 về quan điểm, chính sách ngoại giao đối với việc thực hiện JETP trong tình hình mới.

- Tích cực vận động Nhóm các đối tác quốc tế hỗ trợ Việt Nam về tài chính và công nghệ theo cam kết và hỗ trợ bổ sung cho chuyển đổi năng lượng công bằng giai đoạn sau năm 2027.

i) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về vốn ODA không hoàn lại không gắn với khoản vay của các tổ chức tài chính tiền tệ và ngân hàng quốc tế do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm đại diện để hỗ trợ nhu cầu chuyển đổi năng lượng theo quy định về quản lý, sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài; phối hợp với Bộ Công Thương và các cơ quan có liên quan cập nhật và triển khai thực hiện Kế hoạch huy động nguồn lực.

k) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ

- Thực hiện việc lồng ghép các vấn đề chuyển đổi năng lượng công bằng trong lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo chức năng nhiệm vụ được giao.

- Hỗ trợ cung cấp các thông tin có liên quan, phối hợp với Bộ Công Thương cập nhật và triển khai thực hiện Kế hoạch huy động nguồn lực.

l) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Tổ chức thực hiện việc lựa chọn chủ đầu tư các dự án điện, bố trí quỹ đất cho phát triển các công trình điện theo quy định của pháp luật; chủ trì, phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư thực hiện việc giải phóng mặt bằng, bồi thường, di dân, tái định cư cho các dự án phát triển nguồn điện, lưới điện theo quy định.

- Lồng ghép các vấn đề chuyển đổi năng lượng công bằng trong lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Tuyên bố JETP.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1009/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Bùi Thanh Sơn

Phụ lục
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI TUYÊN BỐ CHÍNH TRỊ
THIẾT LẬP QUAN HỆ ĐỐI TÁC CHUYỂN ĐỔI NĂNG LƯỢNG CÔNG BẰNG (JETP)
(Kèm theo Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 20 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ)

| STT | Nhóm nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian |
|----------|--|-----------------|---------------------------|---|
| I | Hoàn thiện thể chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi năng lượng | | | |
| 1 | Rà soát, cập nhật Kế hoạch huy động nguồn lực thực hiện Tuyên bố JETP (RMP) | Bộ Công Thương | Các bộ, ngành liên quan | 2025 - 2026 |
| 2 | Rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành, lĩnh vực có liên quan nhằm giải quyết nhu cầu chuyển đổi năng lượng công bằng của Việt Nam đảm bảo trong phạm vi khung nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia. | Các bộ, ngành | | Hàng năm |
| 3 | Hoàn thiện chính sách, pháp luật về phát triển điện lực, phát triển năng lượng tái tạo; xây dựng cơ chế đấu giá, chào giá điện, cơ chế quản lý nhu cầu điện và điều chỉnh phụ tải điện nhằm thúc đẩy thị trường điện cạnh tranh minh bạch, công bằng, hiệu quả, giá điện theo cơ chế thị trường, điều chỉnh thói quen sử dụng điện và nâng cao hiệu quả kinh tế của hệ thống điện; xây dựng định mức tiêu thụ năng lượng của các phân ngành kinh tế; xây dựng và điều chỉnh (khi cần thiết) cơ chế hỗ trợ tiền điện phù hợp cho các nhóm bị ảnh hưởng, dễ bị tổn thương và có thu nhập thấp. | Bộ Công Thương | Các bộ, ngành, địa phương | Hàng năm hoặc khi có chủ trương mới cần điều chỉnh cơ chế hiện có |
| 4 | Xác định nhu cầu nguồn lực; tổng hợp, đề xuất các tiêu chí, lĩnh vực ưu tiên, các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư phát triển trong các ngành năng lượng để chuyển đổi năng lượng công bằng | Bộ Công Thương | Bộ Tài chính | Hàng năm |

| STT | Nhóm nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian |
|-----|--|-----------------------------|---|-----------|
| 5 | <p>Hoàn thiện thể chế, chính sách về đầu tư nhằm tăng cường huy động hiệu quả nguồn lực trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động chuyển đổi năng lượng công bằng.</p> <p>Chủ trì rà soát các khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy định của pháp luật về tài chính và đầu tư của các dự án triển khai Tuyên bố JETP, đề xuất giải pháp tháo gỡ và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> | Bộ Tài chính | Công Thương, Xây dựng, Ngân hàng nhà nước Việt Nam, các bộ, ngành, địa phương | Hàng năm |
| 6 | <p>Chủ trì rà soát, nghiên cứu, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tín dụng xanh, cơ chế chính sách, chế tài nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tăng trưởng tín dụng dành cho các dự án thuộc danh mục phân loại xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu, chuyển đổi năng lượng.</p> <p>Chủ trì rà soát, đề xuất các biện pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc liên quan đến quy định của pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng trong quá trình triển khai các dự án thực hiện Tuyên bố JETP</p> | Ngân hàng Nhà nước Việt Nam | Các bộ, ngành liên quan | Hàng năm |
| 7 | <p>Đánh giá hiện trạng pháp luật và hoàn thiện các quy định nhằm hỗ trợ cộng đồng bị ảnh hưởng trong quá trình chuyển đổi năng lượng công bằng, phù hợp với Tuyên bố của ILO về các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc.</p> <p>Chủ trì rà soát, thống kê các lao động bị mất việc làm do chuyển đổi năng lượng và xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, đào tạo lại để hỗ trợ quá trình chuyển đổi nghề nghiệp của người lao động bị ảnh hưởng từ quá trình chuyển đổi năng lượng.</p> | Bộ Nội vụ | Bộ Tài chính, Liên đoàn Lao động, các doanh nghiệp | Hàng năm |
| 8 | Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy định pháp luật nhằm hỗ trợ bảo đảm công bằng trong chuyển đổi năng lượng, đặc biệt trong các ngành kinh tế, đối với các cộng đồng dân cư chịu ảnh hưởng bởi tác động tiêu cực tiềm ẩn trong quá trình chuyển đổi năng lượng. | Các bộ, ngành | | Hàng năm |

| STT | Nhóm nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian |
|------------|--|----------------------------|---|-------------|
| | Thực hiện việc lồng ghép các vấn đề chuyển đổi năng lượng công bằng trong lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội theo chức năng nhiệm vụ được giao. | | | |
| II | Thúc đẩy chuyển đổi điện than sang năng lượng sạch | | | |
| 1 | Chỉ đạo người đại diện chủ sở hữu trực tiếp hoặc người đại diện phần vốn nhà nước tại các doanh nghiệp do Bộ Tài chính là cơ quan đại diện chủ sở hữu nhà nước xây dựng kế hoạch, lộ trình chuyển đổi năng lượng, bao gồm xây dựng kế hoạch ngừng hoạt động, chuyển đổi các nhà máy điện than cũ, kém hiệu quả không áp dụng các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. | Bộ Tài chính | Bộ Công Thương, các bộ, ngành, địa phương | Hàng năm |
| 2 | Xây dựng lộ trình nâng cao hiệu suất và chuyển đổi nhiên liệu các nhà máy nhiệt điện than sang sử dụng các nguồn nhiên liệu xanh, sạch hơn (như hydrogen xanh, amoniac xanh...) hoặc năng lượng tái tạo nhằm giảm phát thải khí nhà kính và góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. | Bộ Công Thương | Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Tài chính | 2027 - 2030 |
| 3 | Triển khai các biện pháp quản lý, kỹ thuật nâng cao hiệu suất các nhà máy điện, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng trong quá trình sản xuất, truyền tải và phân phối và sử dụng điện. | Các doanh nghiệp liên quan | Bộ Công Thương | Hàng năm |
| III | Phát triển hệ sinh thái công nghiệp và dịch vụ về năng lượng tái tạo | | | |
| 1 | Nghiên cứu xây dựng 02 trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo bao gồm sản xuất, truyền tải và tiêu thụ điện, công nghiệp chế tạo thiết bị năng lượng tái tạo, xây dựng, lắp đặt và dịch vụ liên quan tại các khu vực có nhiều tiềm năng. | Bộ Công Thương | Các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp liên quan | Hàng năm |
| 2 | Thực hiện các dự án phát triển năng lượng tái tạo (thủy điện, điện mặt trời, điện gió trên bờ và ngoài khơi, điện sinh khối, điện từ xử lý rác thải, sóng biển, địa nhiệt...), năng lượng mới (hydrogen xanh, amoniac xanh...) | Các doanh nghiệp | Bộ Công Thương; các bộ, ngành, địa phương | Hàng năm |

| STT | Nhóm nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian |
|-----------|---|---|---|-----------|
| 3 | Xây dựng, thực hiện các dự án điện mặt trời mái nhà trên các tòa nhà công sở và nhà dân theo hướng tự sản xuất, tự tiêu thụ. | Các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp | | Hàng năm |
| IV | Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả | | | |
| 1 | Tăng cường thực hiện các giải pháp sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả và thúc đẩy chuyển sang sử dụng năng lượng sạch trong lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, dịch vụ, thương mại và dân dụng. | Bộ Công Thương | Các bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp | Hàng năm |
| 2 | Áp dụng công nghệ mới, hiện đại theo hướng chuyển dịch sang phát triển kinh tế các-bon thấp, giảm tiêu thụ năng lượng, giảm phát thải, hướng đến đáp ứng các quy định về phát thải các-bon trên đơn vị sản phẩm hàng hóa xuất khẩu. | Các doanh nghiệp | Bộ Khoa học và Công nghệ (Bộ KH-CN), các bộ, ngành | Hàng năm |
| 3 | Thúc đẩy thực hiện mô hình kinh doanh công ty dịch vụ tiết kiệm năng lượng (ESCO). | Bộ Công Thương | Các doanh nghiệp | Hàng năm |
| V | Nâng cấp hệ thống truyền tải và phân phối điện, đẩy nhanh lộ trình xây dựng lưới điện thông minh và phát triển hệ thống lưu trữ năng lượng | | | |
| 1 | Cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền tải và phân phối điện, nâng cao độ tin cậy, giảm tổn thất điện năng; xây dựng hệ thống lưới điện thông minh theo hướng xanh, sạch, tiết kiệm và bền vững. | Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) | Bộ Công Thương, Các bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp | Hàng năm |
| 2 | Thúc đẩy hợp tác liên kết lưới điện với các nước trong khu vực để tăng cường khả năng liên kết hệ thống, trao đổi điện năng, tận dụng thế mạnh tài nguyên của các quốc gia. | Bộ Công Thương | EVN, Bộ Ngoại giao, các bộ, ngành, địa phương; Doanh nghiệp | Hàng năm |

| STT | Nhóm nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian |
|------------|---|--------------------------|---|---|
| 3 | Triển khai đầu tư các dự án thủy điện tích năng, pin lưu trữ | EVN, các doanh nghiệp | Bộ Công Thương, Các bộ, ngành, địa phương | Theo lộ trình thực hiện quy hoạch điện lực quốc gia |
| VI | Chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí nhà kính của lĩnh vực giao thông vận tải | | | |
| 1 | Thực hiện Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan lĩnh vực giao thông vận tải. | Bộ Xây dựng | Các bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp | Hàng năm |
| VII | Đổi mới sáng tạo, phát triển và chuyển giao công nghệ | | | |
| 1 | Đẩy mạnh nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng và chuyển giao công nghệ sạch, công nghệ mới, tiên tiến với sự tham gia của các trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp nhằm từng bước làm chủ, chuyển đổi công nghệ, qua đó đẩy nhanh và mở rộng quy mô năng lượng tái tạo và hệ thống điện sạch. Trong đó, cần tập trung vào việc nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ năng lượng tái tạo, năng lượng mới (như hydrogen xanh, amoniac xanh...); nghiên cứu thí điểm công nghệ thu hồi, hấp thụ, lưu trữ và sử dụng carbon, đồng thời đồng đốt ammonia cho lò hơi (nhiệt điện than); công nghệ đo đạc và thu hồi khí mê-tan trong các hoạt động khai thác than và dầu khí; cũng như lưu trữ, chế biến và vận chuyển các sản phẩm than, dầu khí và nhiên liệu. | Bộ Khoa học và Công nghệ | Các bộ, ngành, PVN, EVN, TKV | Hàng năm |
| 2 | Đẩy mạnh chuyển đổi số trong ngành điện, nâng cấp, hiện đại hóa hệ thống thông tin, dữ liệu, tự động hóa, điều khiển phục vụ công tác điều độ, vận hành hệ thống điện và thị trường điện. | EVN | Bộ Công Thương, Bộ KH-CN, các bộ, ngành, địa phương | Hàng năm |

| STT | Nhóm nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian |
|-------------|--|--------------------------------|---|-------------|
| VIII | Bảo đảm công bằng trong chuyển đổi năng lượng | | | |
| 1 | Thực hiện đánh giá tác động kinh tế, xã hội, môi trường trong quá trình chuyển đổi năng lượng công bằng đối với các đối tượng có liên quan. | Bộ Công Thương | Các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp | 2025 - 2027 |
| 2 | Đề xuất hỗ trợ tài chính trực tiếp từ Nhóm IPG, Liên minh tài chính Glasgow vì mục tiêu phát thải ròng bằng “0”, các định chế tài chính trong nước và quốc tế với các điều khoản hấp dẫn hơn các khoản vay có thể huy động trên thị trường để thực hiện các dự án chuyển đổi năng lượng. | Các doanh nghiệp | Bộ Tài chính, các bộ, ngành liên quan | Hàng năm |
| 3 | Các cơ sở thực hiện kiểm kê khí nhà kính và giảm phát thải khí nhà kính theo quy định của pháp luật, đóng góp vào mục tiêu đưa mức phát thải ròng về “0” vào 2050. | Các doanh nghiệp | Bộ Nông nghiệp và Môi trường, các bộ, ngành, địa phương liên quan | Hàng năm |
| 4 | Phát triển lưới điện siêu nhỏ theo quy định của cấp có thẩm quyền | Các địa phương và doanh nghiệp | EVN | Hàng năm |
| 5 | Phát triển nguồn điện linh hoạt theo quy hoạch | Các doanh nghiệp | EVN | Hàng năm |
| 6 | Xây dựng cơ chế, chính sách, giải pháp hỗ trợ tạo việc làm đối với nhóm đối tượng yếu thế, dễ bị tổn thương khi thực hiện các hoạt động chuyển đổi năng lượng công bằng; | Bộ Nội vụ | Các bộ, ngành, địa phương | Hàng năm |
| 7 | Hướng dẫn việc thực hiện đào tạo và đào tạo lại cho lao động bị ảnh hưởng do chuyển đổi năng lượng. | Bộ Giáo dục và đào tạo | Các địa phương, doanh nghiệp | Hàng năm |
| 8 | Thực hiện phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành điện đáp ứng yêu cầu chuyển đổi năng lượng; khuyến khích tư nhân tham gia đào tạo, đào tạo lại lao động chịu ảnh hưởng bởi quá trình chuyển đổi năng lượng trong Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030 | Bộ Giáo dục và đào tạo | Các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp liên quan | Hàng năm |

| STT | Nhóm nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian |
|-----------|--|------------------------|---|-----------|
| 9 | Lồng ghép nội dung về chuyển đổi năng lượng công bằng, phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới trong nội dung giảng dạy của hệ thống giáo dục. | Bộ Giáo dục và Đào tạo | Bộ KH-CN, Công Thương | Hàng năm |
| 10 | Thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và triển khai kết nối lưới điện với các nước láng giềng, các nước trong khu vực Đông Nam Á, các nước tiểu vùng sông Mê Công mở rộng. | Bộ Công Thương | Các bộ, ngành, địa phương; doanh nghiệp | Hàng năm |
| IX | Truyền thông nâng cao nhận thức về chuyển đổi năng lượng | | | |
| 1 | Thực hiện kế hoạch truyền thông nâng cao nhận thức về chuyển đổi năng lượng; huy động sự tham gia của toàn xã hội thực hiện chuyển đổi năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính. | Bộ Công Thương | Các bộ, ngành, địa phương | Hàng năm |
| 2 | Thực hiện truyền thông đến người dân và doanh nghiệp về lộ trình, chính sách, lợi ích của chuyển đổi năng lượng nhằm khuyến khích chủ động tham gia và sử dụng các sản phẩm, dịch vụ chuyển đổi năng lượng. | Bộ Công Thương | Các bộ, ngành, địa phương | Hàng năm |
| X | Thúc đẩy hợp tác, huy động nguồn lực cho chuyển đổi năng lượng công bằng | | | |
| 1 | Lồng ghép nội dung vận động hỗ trợ về tài chính, công nghệ và năng lực vào nội dung các cuộc trao đổi, chuyên thăm cấp cao, chương trình làm việc của các bộ, ngành, địa phương với đối tác nước ngoài trên cơ sở phù hợp với nhu cầu, điều kiện của các bên hướng tới thực hiện mục tiêu chuyển đổi năng lượng công bằng. Cập nhật tình hình triển khai JETP trên thế giới, đánh giá, phân tích các diễn biến tình hình chính trị, ngoại giao từ các đối tác quốc tế tác động đến việc triển khai JETP, đề xuất các biện pháp thích ứng phù hợp. | Bộ Ngoại giao | Bộ, ngành, địa phương | Hàng năm |

| STT | Nhóm nhiệm vụ | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp | Thời gian |
|-----|---|--|-----------------------|-----------|
| 2 | Vận động Nhóm các đối tác quốc tế hỗ trợ Việt Nam về tài chính và công nghệ theo cam kết và hỗ trợ bổ sung cho chuyển đổi năng lượng công bằng giai đoạn sau năm 2025. | Các Bộ Ngoại giao, Công Thương, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường | Bộ, ngành, địa phương | Hàng năm |
| 3 | Chủ động tham gia và đóng góp tích cực tại các khuôn khổ hợp tác song phương, đa phương, nhằm tích hợp nội dung về chuyển đổi công bằng trong quá trình hợp tác, đàm phán song phương và đa phương. | Các Bộ Ngoại giao, Công Thương, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường | Bộ, ngành, địa phương | Hàng năm |